

Bản án số: 83/2017/DS-PT
Ngày 31 tháng 7 năm 2017.
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Thiện
Ông Trương Văn Tâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Kiều Oanh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:79/2017/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2017/QĐ-PT ngày 04/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Như H, sinh năm 1975

Địa chỉ: 75 B.Đ, Kp. 2, phường P.T, thành phố B.R, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. (Vắng mặt)

+*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Bùi Đức H, sinh 1936

Địa chỉ: 413/41/4/30 đường L.V,Q, phường B.T.Đ A, Quận B.T, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 3 năm 2017)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Kim Đ, sinh năm 1939. (Có mặt)

Bà Nguyễn Hữu H, sinh năm 1945. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 387 V.T.S, khu phố L.P, thị trấn L.Đ, huyện L.Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Hữu T, sinh 1965
Địa chỉ: Số 10 lô B1 chung cư phường A, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Kim Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hữu T.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn bà Võ Thị Như H, người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Đức H trình bày:

Bà H cho ông Đ, bà H vay tiền như sau:

Ngày 02/8/2007 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, từ ngày 02/8/2007 đến 02/10/2007.

Ngày 14/11/2007 cho vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng từ ngày 14/11/2007 đến 14/02/2008.

Ngày 15/11/2007 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, hạn đến ngày 15/02/2007 trả tiền.

Ngày 03/12/2007 cho vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng từ ngày 3 / 12 / 2007 đến 03/3/2008.

Tổng cộng: 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Việc vay tiền có thời hạn, có lãi, cứ 100.000.000 đồng thì lấy tiền lãi 2.000.000/tháng, bà H đã lấy tiền lãi được 4.000.000 đồng, việc trả tiền lãi không làm giấy tờ. Vay không có tài sản thế chấp. Mục đích cho vay là để làm ăn. Nhiều lần bà H đòi nợ nhưng ông Đ, bà H không trả.

Năm 2013 bà H khởi kiện ra Tòa thì ông Đ, bà H trả được 50.000.000 đồng thì bà H rút đơn kiện và ngày 31/01/2016 hai bên làm giấy cam kết mỗi tháng trả nợ 50.000.000 đồng, tuy nhiên ông Đ, bà H không thực hiện cam kết.

Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H phải trả số tiền gốc 600.000.000 đồng và trả tiền lãi 466.350.000 đồng.

Ngày 27/3/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bà H có đơn rút yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu ông Đ và bà H trả tiền gốc là 600.000.000 đồng.

Việc bà H cho ông Đ, bà H vay tiền thì ông T không biết. Quan hệ giữa bà H với ông T là quan hệ riêng, vì vậy nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Tại các bản khai bị đơn ông Trần Kim Đ, bà Nguyễn Hữu H trình bày:
Các khoản tiền vay nợ bà H nêu là đúng về số tiền và thời gian vay. Tổng cộng số tiền vay là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu), vay không thế chấp, mục đích vay là để đầu tư kinh doanh tiệm thuốc tây ở thành phố Bà Rịa, nhưng do kinh doanh thua lỗ thất bại. Tiền vay tính lãi 6%/tháng, số tiền lãi đã trả: Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 02/8/2007 đã trả tiền lãi từ tháng 8/2012 đến tháng 12/2012 là 378.000.000 đồng. Khoản vay 200 triệu đồng ngày

14/11/2007 đã trả tiền lãi từ tháng 11/2007 đến tháng 12/2012 là 732.000.000 đồng. Khoản vay 100.000.000 đồng ngày 15/11/2007 đã trả tiền lãi từ tháng 11/2007 đến tháng 12/2012 là 366.000.000 đồng. Đối với khoản vay 250.000.000 đồng ngày 03/12/2007 đã trả tiền lãi từ tháng 12/2007 đến 12/2012 là 900.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả cho bà H đến tháng 12/2012 là 2.376.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Việc trả tiền lãi cho bà H không làm giấy tờ. Số tiền vay 650.000.000 đồng đã trả được 50.000.000 đồng.

Ông Đ và bà H không đồng ý trả tiền gốc 600.000.000 đồng cho bà H vì đã trả tiền lãi 2.376.000.000 đồng, do vậy số tiền gốc 600.000.000 đồng phải được khấu trừ vào tiền lãi đã trả.

Theo biên bản lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hữu T trình bày: Ông T là chồng bà H có đăng ký kết hôn 2005, đến nay vẫn còn danh nghĩa vợ chồng về việc bà H cho ông Đ và bà H vay số tiền 650.000.000 đồng ông T không biết, ông cũng không nhận khoản tiền gốc lãi nào từ ông Đ và bà H. Ông T cho rằng số tiền bà H yêu cầu ông Đ và bà H vay còn nợ 600.000.000 đồng là tài sản chung của ông T và bà H trong thời kỳ hôn nhân, ông không yêu cầu giải quyết quan hệ sở hữu chung của ông T và bà H trong vụ án này, ông Đ và bà H vay của bà H thì có nghĩa vụ trả cho bà H, ông Đ và bà H trả cho bà H bao nhiêu tiền thì ông T không có thắc mắc gì, nếu có tranh chấp thì ông T yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác và đề nghị xét xử vắng mặt ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.Đ.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như H đối với ông Trần Kim Đ và bà Nguyễn Hữu H

Buộc ông Trần Kim Đ và bà Nguyễn Hữu H trả cho bà Võ Thị Như H số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Võ Thị Như H đối với ông Trần Kim Đ và bà Nguyễn Hữu H về việc yêu cầu trả tiền lãi là 466.350.000 đồng.

Dành quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung (nếu có) giữa ông Hồ Hữu T và bà Võ Thị Như H giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, định giá, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/4/2017, bị đơn ông Trần Kim Đ kháng cáo không đồng ý trả 600.000.000 đồng, vì đã trả đủ vào tiền lãi và kháng cáo xin giảm án phí vì gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Ngày 13/4/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hữu T kháng cáo cho rằng số tiền 600.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông

T và bà H trong thời kỳ hôn nhân, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên trả riêng một mình bà H là không đúng, mà phải tuyên trả chung cho ông T, bà H.

Ngày 12/4/2017, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.Đ kháng nghị: Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, vì ông Đ và bà H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Sự vắng mặt của các đương sự, Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu trả tiền gốc 600.000.000 đồng, bị đơn ông Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.Đ vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được việc giải quyết vụ án như sau: Bị đơn ông Trần Kim Đ và bà Nguyễn Hữu H đồng ý trả cho bà Võ Thị Như H số tiền gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn ông Đ, bà H đồng ý trả cho bị đơn bà H 600.000.000 đồng, sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy kháng cáo của ông Đ và kháng nghị của viện kiểm sát về phần án phí là có cơ sở, vì căn cứ biên bản xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn L.Đ ngày 16/6/2016 xác nhận gia đình ông Đ, bà H hiện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên theo quy định của pháp luật được giảm án phí. Về kháng cáo của ông T ở Tòa án cấp sơ thẩm ông T không yêu cầu giải quyết quyền lợi 600.000.000 đồng cho ông T, nên ông T kháng cáo phần này không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát, một phần kháng cáo của ông Đ, không chấp nhận kháng cáo của ông T. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.Đ trong

hạn luật định và đúng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải vụ án: Nguyên đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn, bị đơn cư trú tại thị trấn L.Đ, huyện L.Đ, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được Tòa án nhân dân huyện L.Đ thụ lý giải quyết dân sự sơ thẩm là đúng thuộc thẩm quyền.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị.

[3]Xét kháng cáo của bị đơn ông Đ về số tiền phải trả 600.000.000đồng cho bà H, hội đồng xét xử thấy:

Các giấy vay nợ, tờ cam kết trả nợ ngày 31/01/2016 đã thể hiện ông Đ và bà H vay tiền của bà H nhiên lần còn nợ lại 600.000.000 đồng. Ông Đ và bà H cho rằng đã trả tiền lãi 2.376.000.000 đồng, nhưng bà H chỉ thừa nhận đã nhận 4.000.000 đồng tiền lãi, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đ và bà H không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả cho bà H số tiền lãi 2.376.000.000 đồng, kháng cáo cho rằng đã trả lãi nhiều hơn tiền gốc nên số tiền gốc 600.000.000 đồng phải được khấu trừ vào tiền lãi.

Tuy nhiên tại phiên Tòa phúc thẩm hôm nay, ông Đ và bà H thỏa thuận với người đại diện của bà H, đồng ý trả cho bà H 600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp với đạo đức và quy định của pháp luật, Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn. Ông Đ, bà H có nghĩa vụ trả cho bà H 600.000.000 đồng.

[4]Xét kháng cáo của bị đơn ông Đ và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.Đ về giảm án phí cho ông Đ, bà H, Hội đồng xét xử thấy: Ông Đ, bà H có đơn xin miễn giảm án phí, được khu phố xác nhận và qua xác minh của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.Đ tại biên bản ngày 01/4/2017 thì chính quyền địa phương xác nhận gia đình ông Đ, bà H hiện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn là đúng. Căn cứ Điều 14 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009, ông Đ, bà H được giảm một phần án phí là 50% ,cụ thể 28.000.000 đồng : 2 = 14.000.000 đồng.

[5]Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T, hội đồng xét xử thấy: Tại các bản khai ông T trình bày, ông T cho rằng số tiền bà H yêu cầu ông Đ và bà H vay còn nợ 600.000.000 đồng là tài sản chung của ông T và bà H trong thời kỳ hôn nhân, ông không yêu cầu giải quyết quan hệ sở hữu chung của ông T và bà H trong vụ án này, ông Đ và bà H vay của bà H thì có nghĩa vụ trả cho bà H, ông Đ và bà H trả cho bà H bao nhiêu tiền thì ông T không có thắc mắc gì, nếu có tranh chấp thì ông T yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Từ ý kiến của ông T, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: Dành quyền khởi kiện tranh chấp tài sản

chung giữa ông Hồ Hữu T và bà Võ Thị Như H giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là phù hợp với yêu cầu của ông T và quy định của pháp luật. Căn cứ

Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: "...Tòa án chỉ giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn yêu cầu của đương sự..." nên kháng cáo của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 14, Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án năm 2009.

Ông Đ, bà H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên được giảm 50% án phí, như sau: 28.000.000 đồng : 2 = 14.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 30 Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án năm 2009.

Ông Đ được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải nộp án phí phúc thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Do kháng cáo của ông T không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng án phí, nhưng được trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.Đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 30 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.Đ. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Kim Đ. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

+ Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Võ Thị Như H đối với ông Trần Kim Đ và bà Nguyễn Hữu H về việc yêu cầu trả tiền lãi là 466.350.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như H đối với ông Trần Kim Đ và bà Nguyễn Hữu H.

+ Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Kim Đ, bà Nguyễn Hữu H và bà Võ Thị Như H : Ông Trần Kim Đ, bà Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Như H số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

+ Dành quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung giữa ông Hồ Hữu T và bà Võ Thị Như H giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

+Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Như H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000509 ngày 03/10/2016 và 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000534 ngày 11/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền.

Ông Trần Kim Đ và bà Nguyễn Hữu H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

2.Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đ không phải nộp và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004358 ngày 12/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền.

Ông T phải nộp 200.000 đồng, nhưng được trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004363 ngày 19/4/2017 Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Ông T đã nộp đủ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 31/7/2017.

Nơi nhận:

- TAND cấp sơ thẩm;
- VKSND tỉnh BRVT;
- THADS tỉnh BRVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hoàng Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Ngọc Thiện

Trương Văn Tâm

Trịnh Hoàng Anh